

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Đức Cường
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
TRƯỜNG NHÀ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Đức Cường
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Đức Cường

Mã SV: 1112401103

Lớp: QT1501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Trương Nhài
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Trương Nhài
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Trương Nhài, sử dụng số liệu năm 2013.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
 - Địa chỉ: Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 08 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 11 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Đức Cường

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số: 10
 - Điểm chữ: Mười điểm.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 11 năm 2014
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.	2
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.3. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	5
1.3.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.....	8
1.3.1.3. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	9
1.3.1.4. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp.	14
1.3.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.....	16
1.3.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.	18
1.3.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	23
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	24
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	25

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	26
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI	28
2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.....	28
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài	28
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.	29
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.	31
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.	31
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.....	33
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	34
2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán	42
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	46
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	53
2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	57
2.2.6. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	59
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI	67
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.	67

3.1.1. Ưu điểm	67
3.1.2. Hạn chế	68
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.	69
3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.	69
3.3.1. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho tài khoản 632 và tài khoản 511.	69
3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.	73
3.3.3. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ.	75
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Để đạt được mục tiêu kinh doanh: Nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm thì nhà quản lý cần nhận thức rõ vai trò của các thông tin kinh tế. Có thể nói kế toán là cánh tay phải đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính và có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty TNHH thương mại Trương Nhài đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

$$\text{Kết quả hoạt động sản xuất KD} = \text{DTT về BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý DN}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

▪ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

▪ **Các khoản giảm trừ doanh thu** bao gồm:

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng** tính theo phương pháp trực tiếp.

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

▪ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

▪ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

▪ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.

❖ **Hoạt động tài chính:** Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

▪ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

▪ **Chi phí hoạt động tài chính:** Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

❖ **Hoạt động khác:** Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

▪ **Thu nhập khác:** Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

▪ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:**

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

➤ **Các phương thức bán hàng:**

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ: Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

1.3.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với DN thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

$$\text{Trị giá thực tế của hàng hóa} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

➤ Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

➤ Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm....

1.3.1.3. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các TK cấp 2:
 - +Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
 - +Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
 - +Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - +Tài khoản 5118- Doanh thu khác
- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản giảm trừ doanh thu. - K/c doanh thu thuần vào TK 911.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số PS nợ		Tổng số PS có

✕
TK 511 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu
- Các TK cấp 2
 - +Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
 - +Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
 - +Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán
- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 521	Có
- Phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ.		- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có

✕

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ TK 632: Giá vốn hàng bán
- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 632	Có
- Phát sinh giá vốn trong kỳ. - Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS bên Nợ		Tổng số PS bên Có

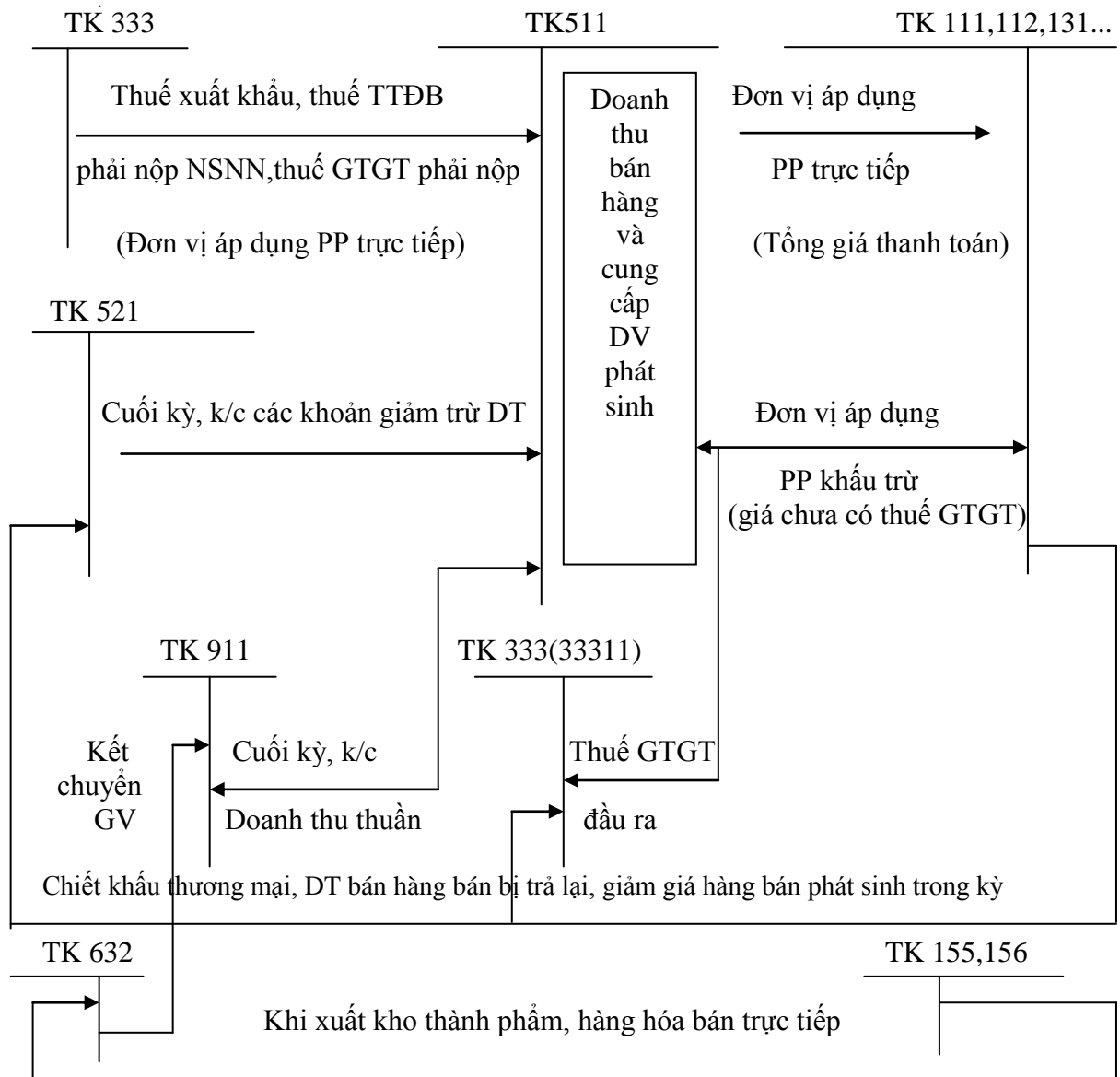
✕

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

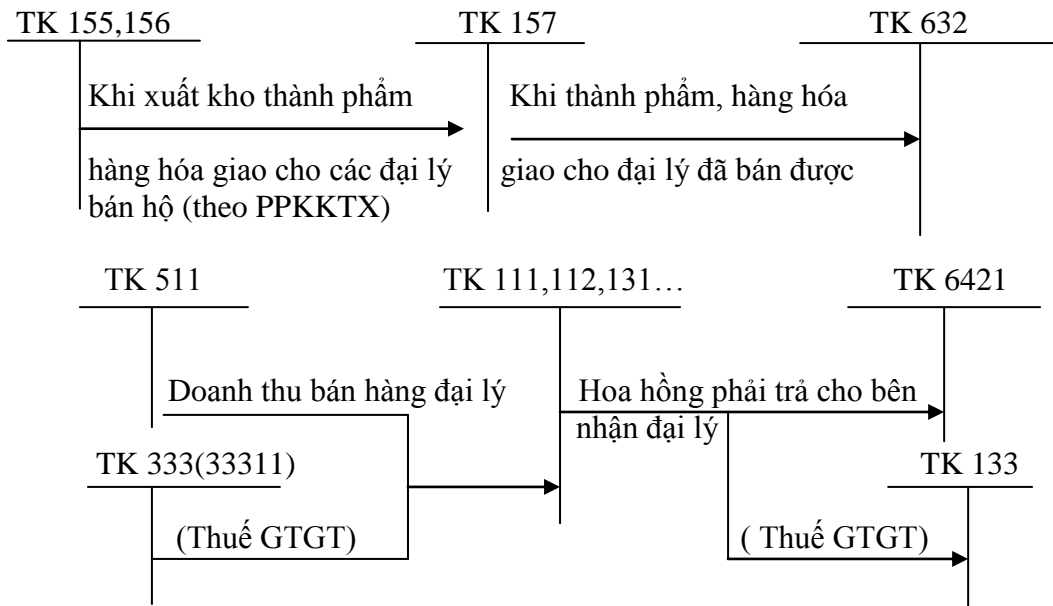
➤ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng trực tiếp

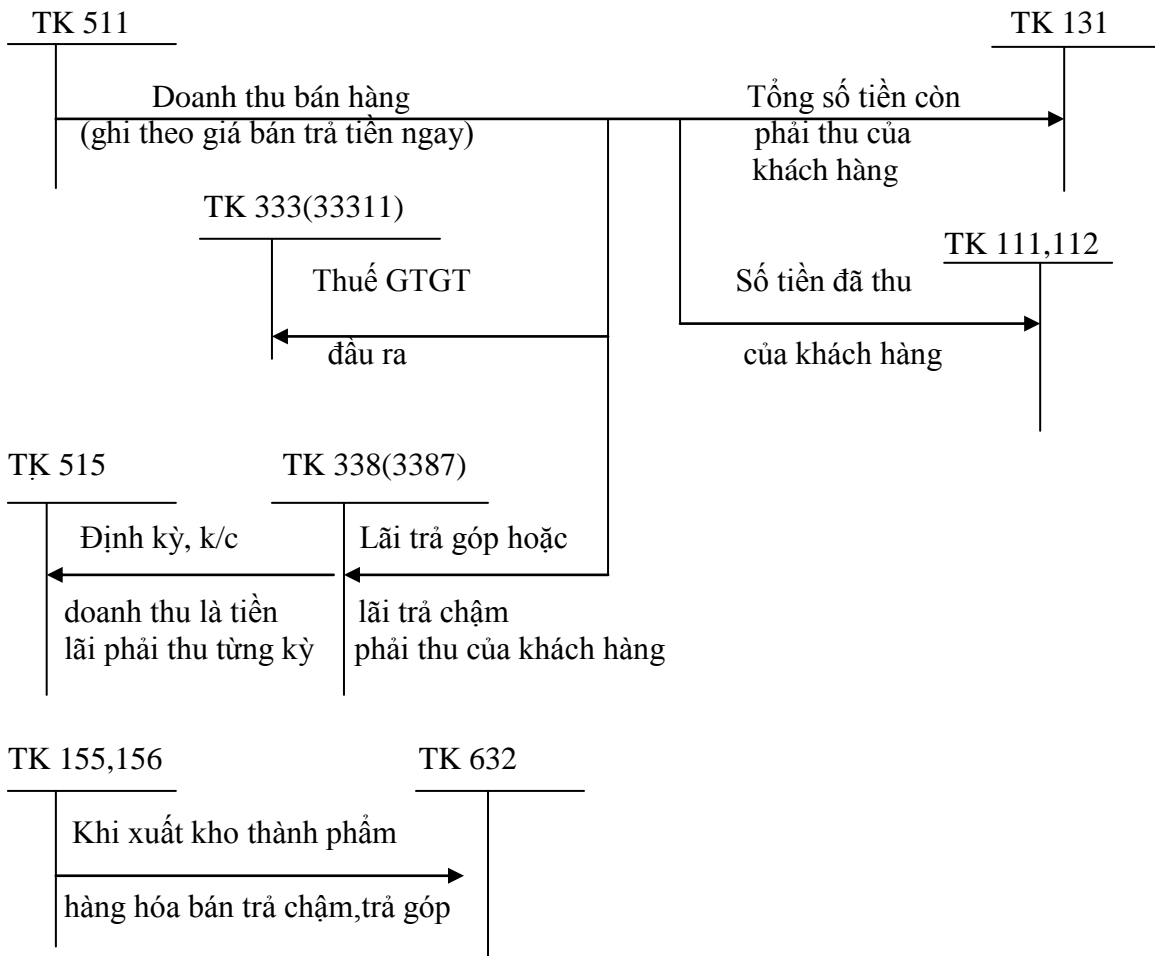


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

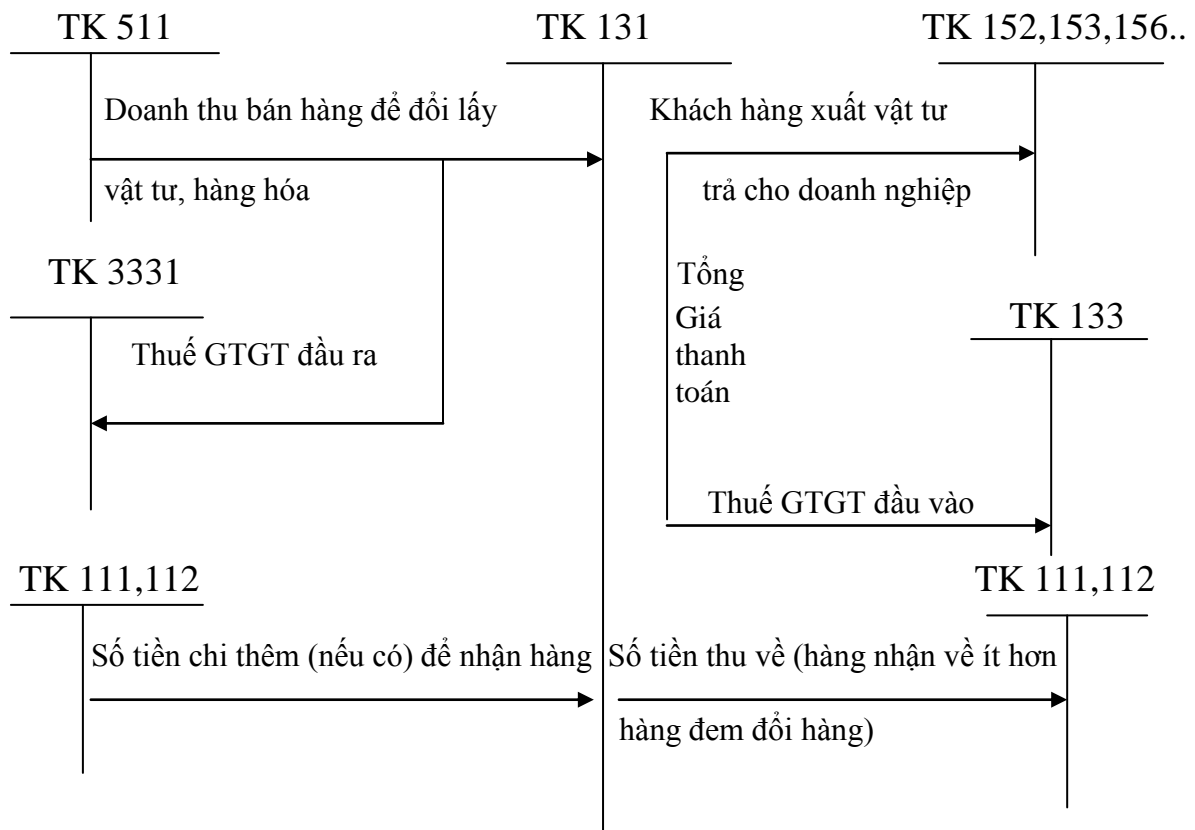


Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)

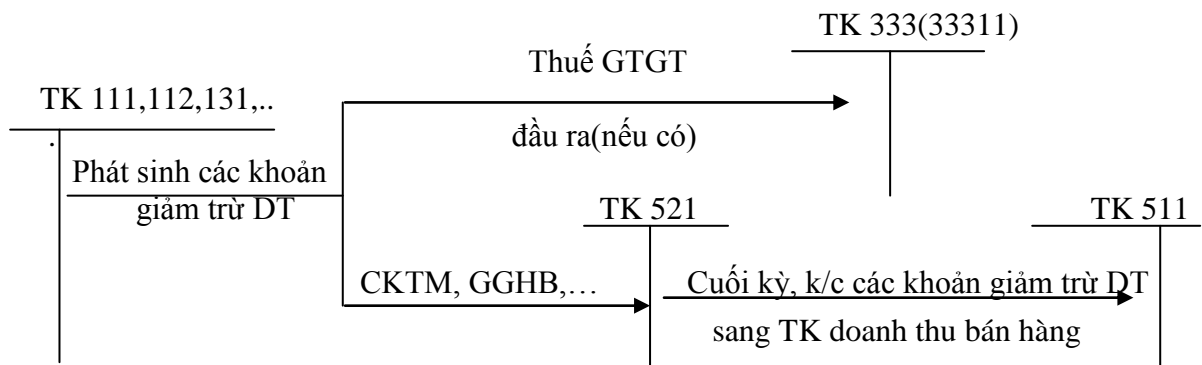


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản giảm trừ DT



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.1.4. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp.

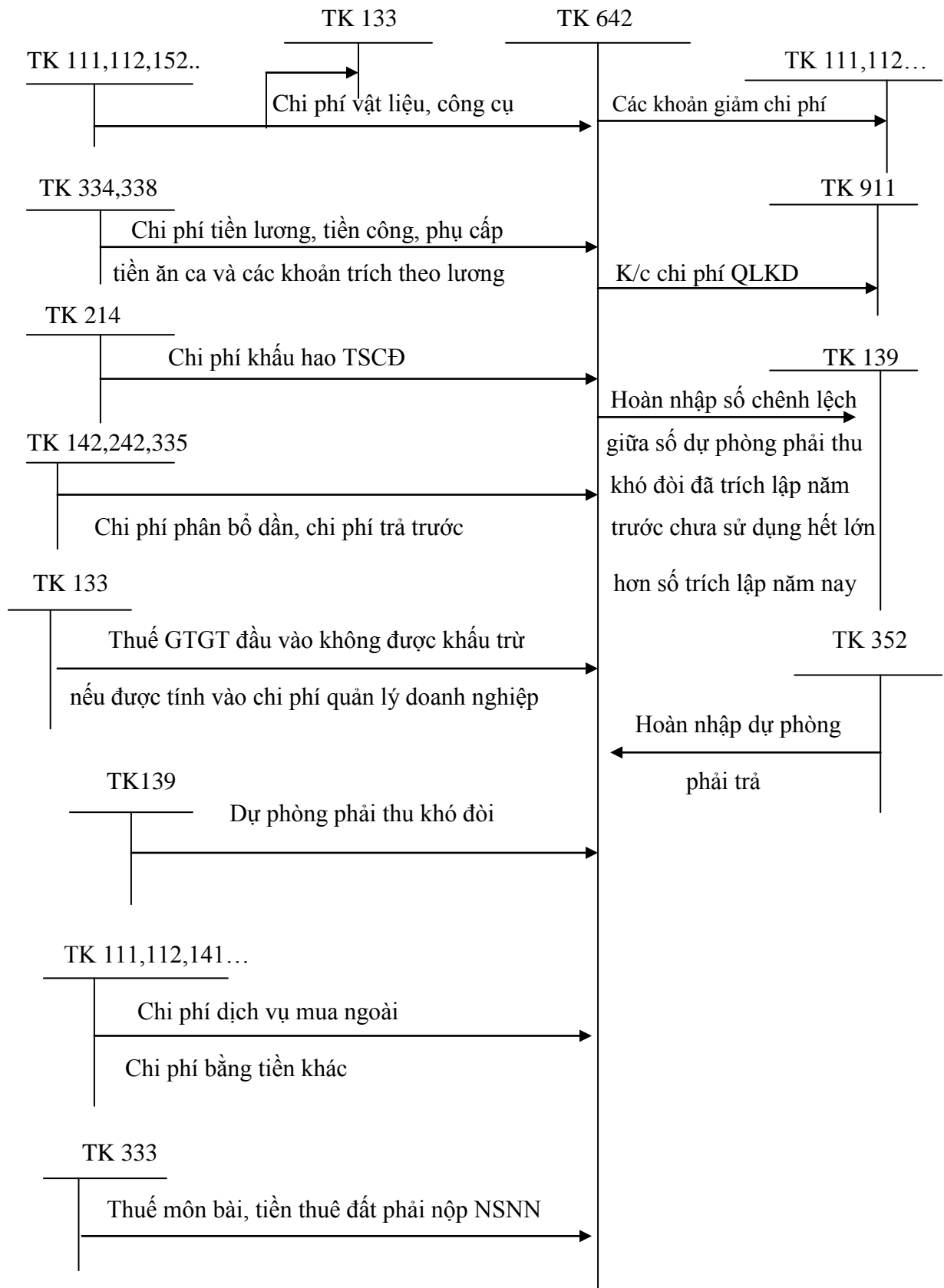
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Phiếu chi, Giấy báo Nợ
 - Bảng tính và phân bổ KH
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK6421- Chi phí bán hàng
 - + TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Các khoản ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí QLKD vào TK 911.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - ✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
- Các khoản giảm trừ doanh thu hoạt động tài chính. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		- Các khoản phát sinh doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

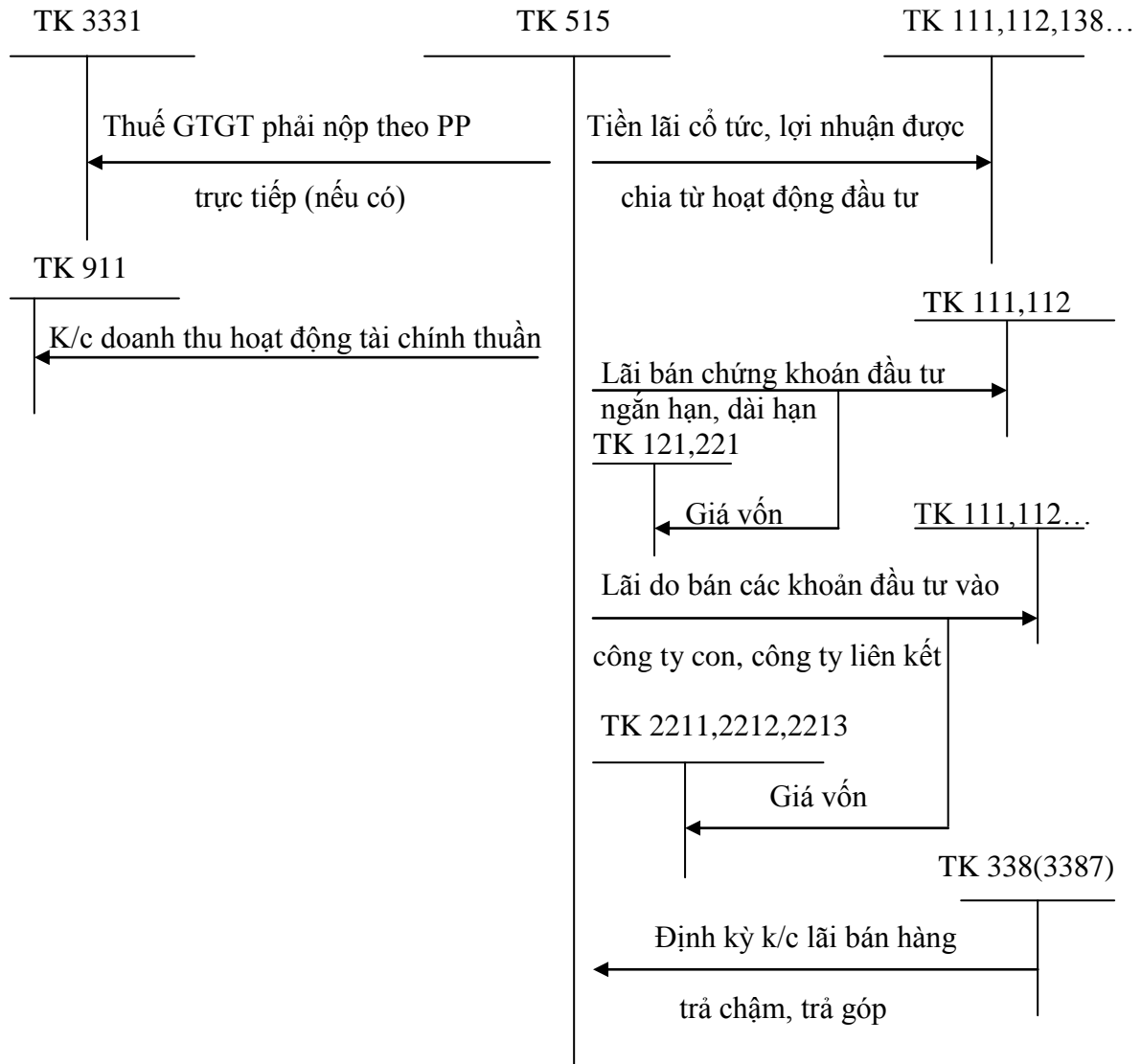
- TK 635: Chi phí tài chính
- ✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản phát sinh chi phí tài chính trong kỳ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

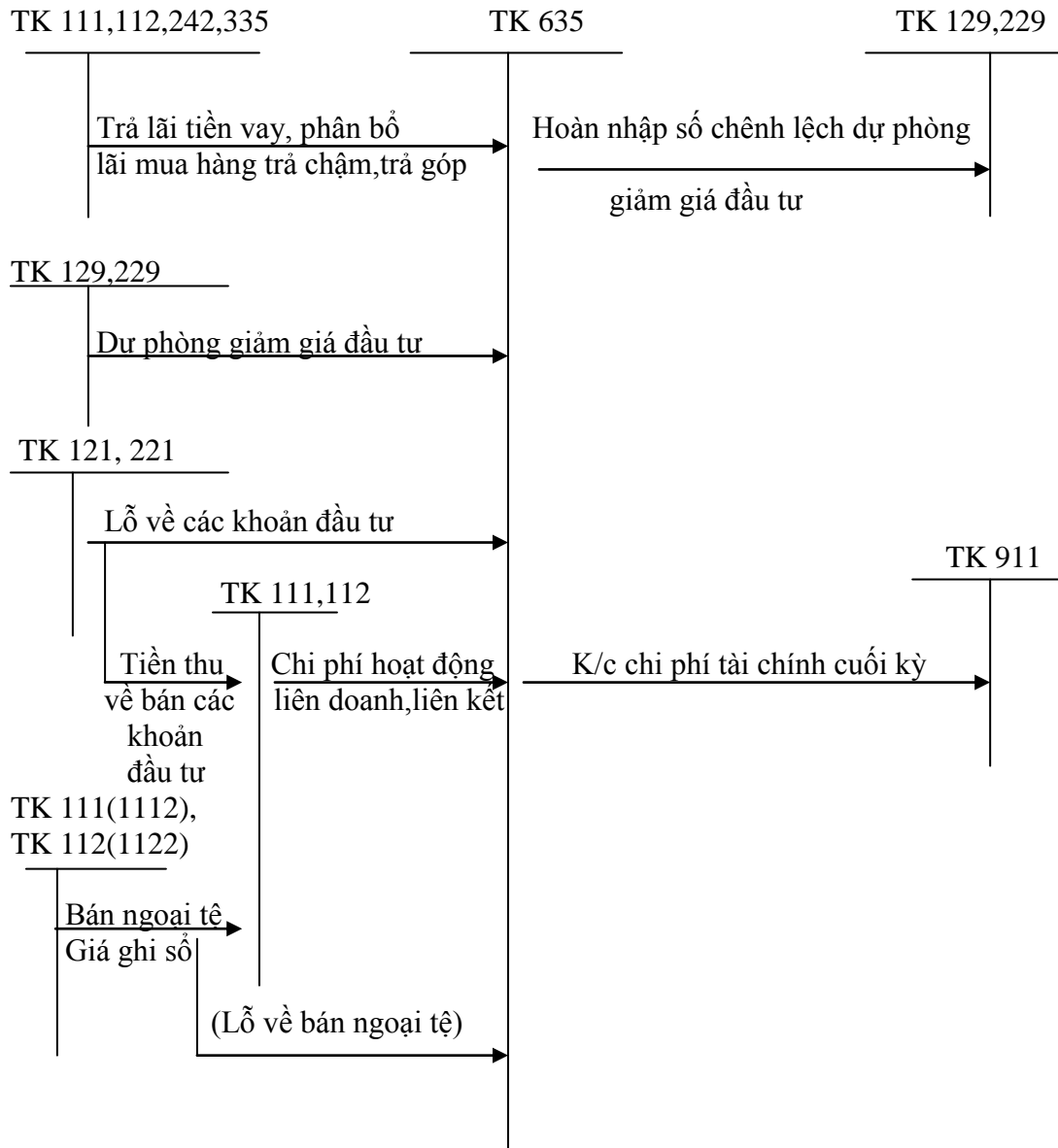
TK 635 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí tài chính



1.3.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

✓ TK 711: Thu nhập khác

• Thu nhập khác gồm:

- + Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Thu tiền phạt do KH vi phạm hợp đồng;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật;
- + Các khoản thu nhập khác...
- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
- Phát sinh các khoản thu nhập khác. - K/c các khoản thu nhập khác sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số PS Nợ	Tổng số PS Có	

TK 711 không có số dư cuối kỳ

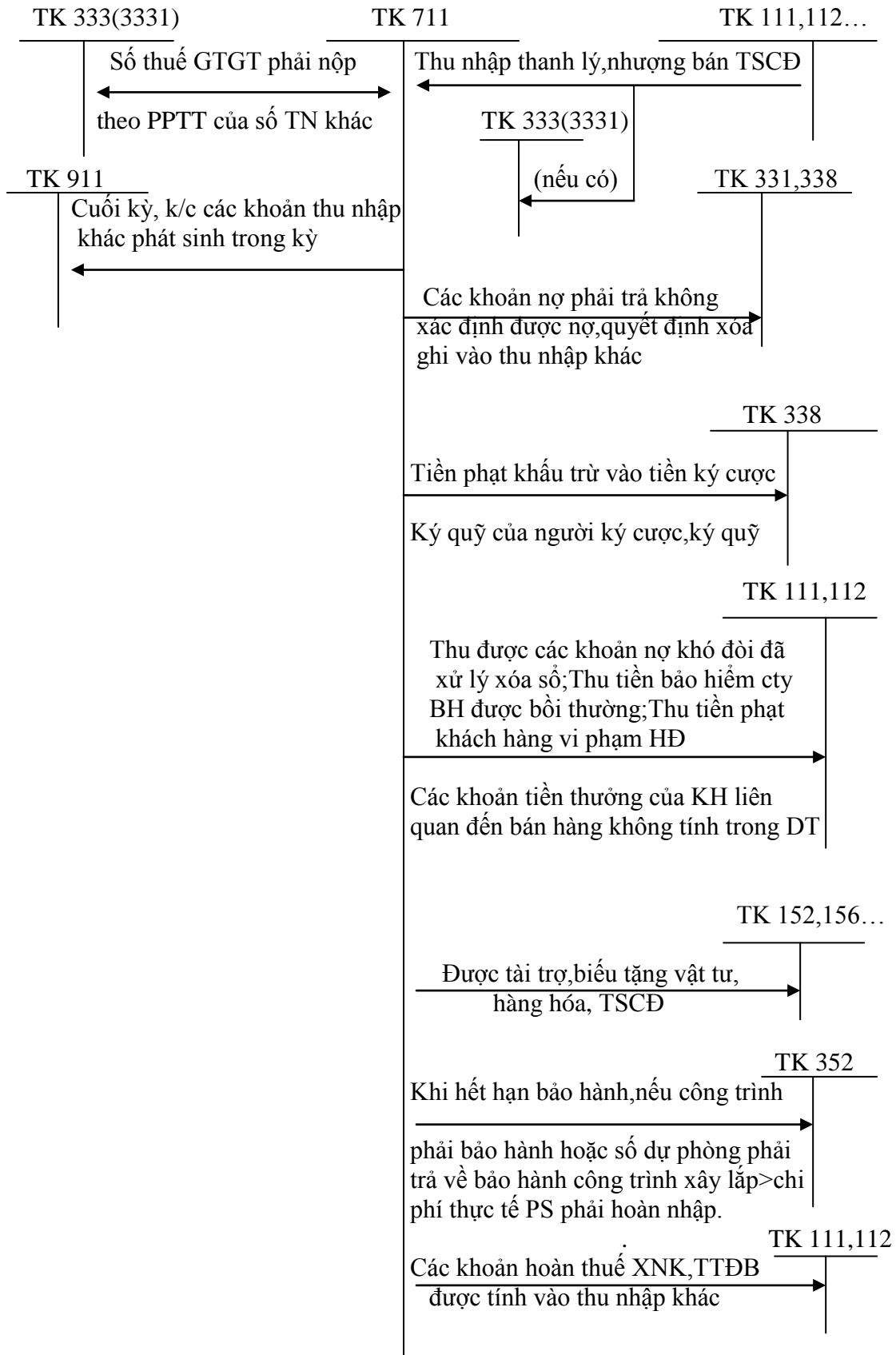
- ✓ TK 811: Chi phí khác
- Chi phí khác bao gồm:
 - + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
 - + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
 - + Bị phạt thuế, truy thu thuế;
 - + Các khoản chi phí khác...
- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.	- K/c toàn bộ các khoản chi phí vào TK 911.	
Tổng số PS Nợ	Tổng số PS Có	

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

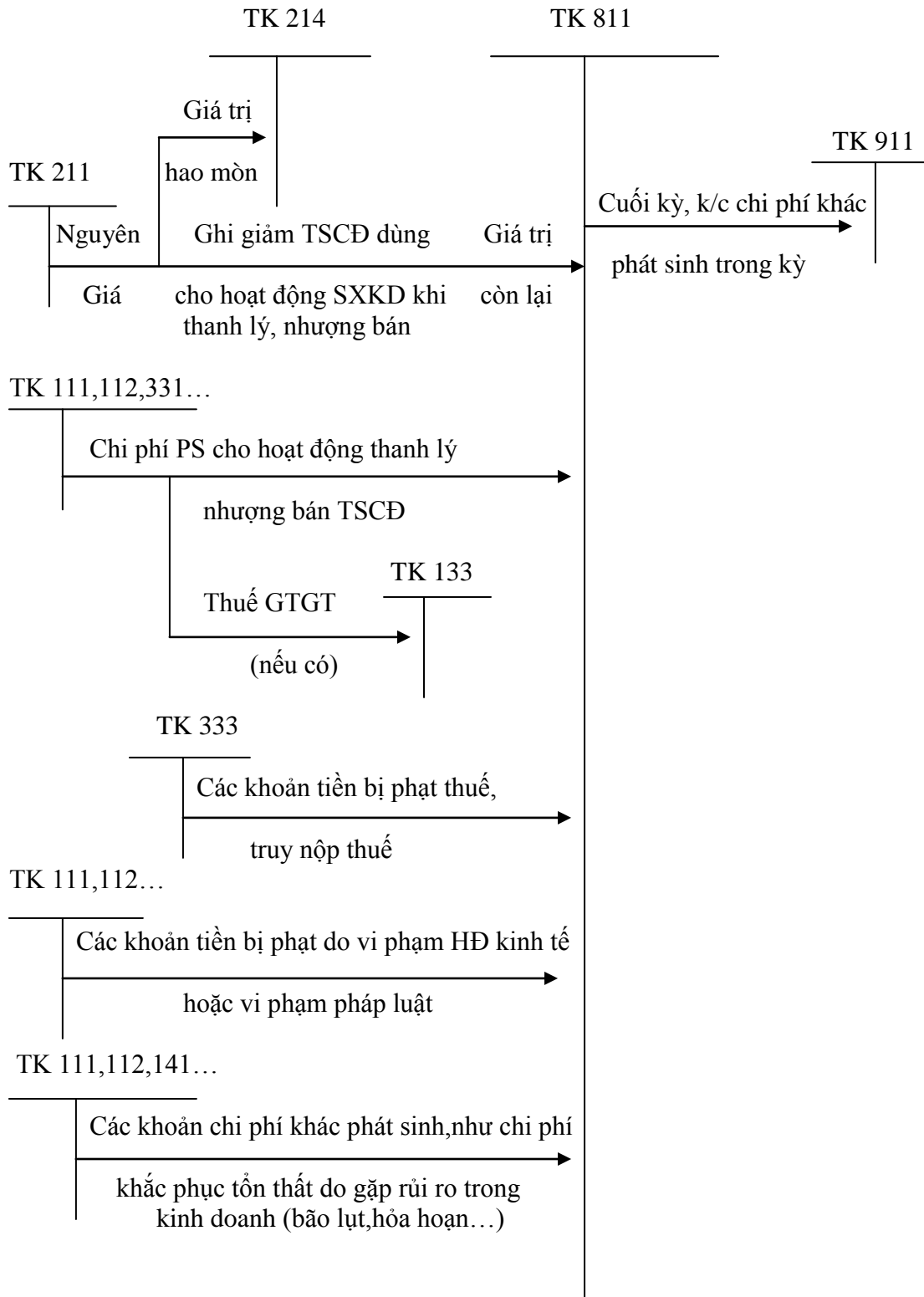
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành;
 - + TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- ✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
- Phát sinh CP thuế TNDN trong kỳ. - Xác định CP thuế TNDN trong kỳ.		- Kết chuyển CP thuế TNDN trong kỳ.
Tổng số PS Nợ	X	Tổng số PS Có

TK 821 không có số dư cuối kỳ.

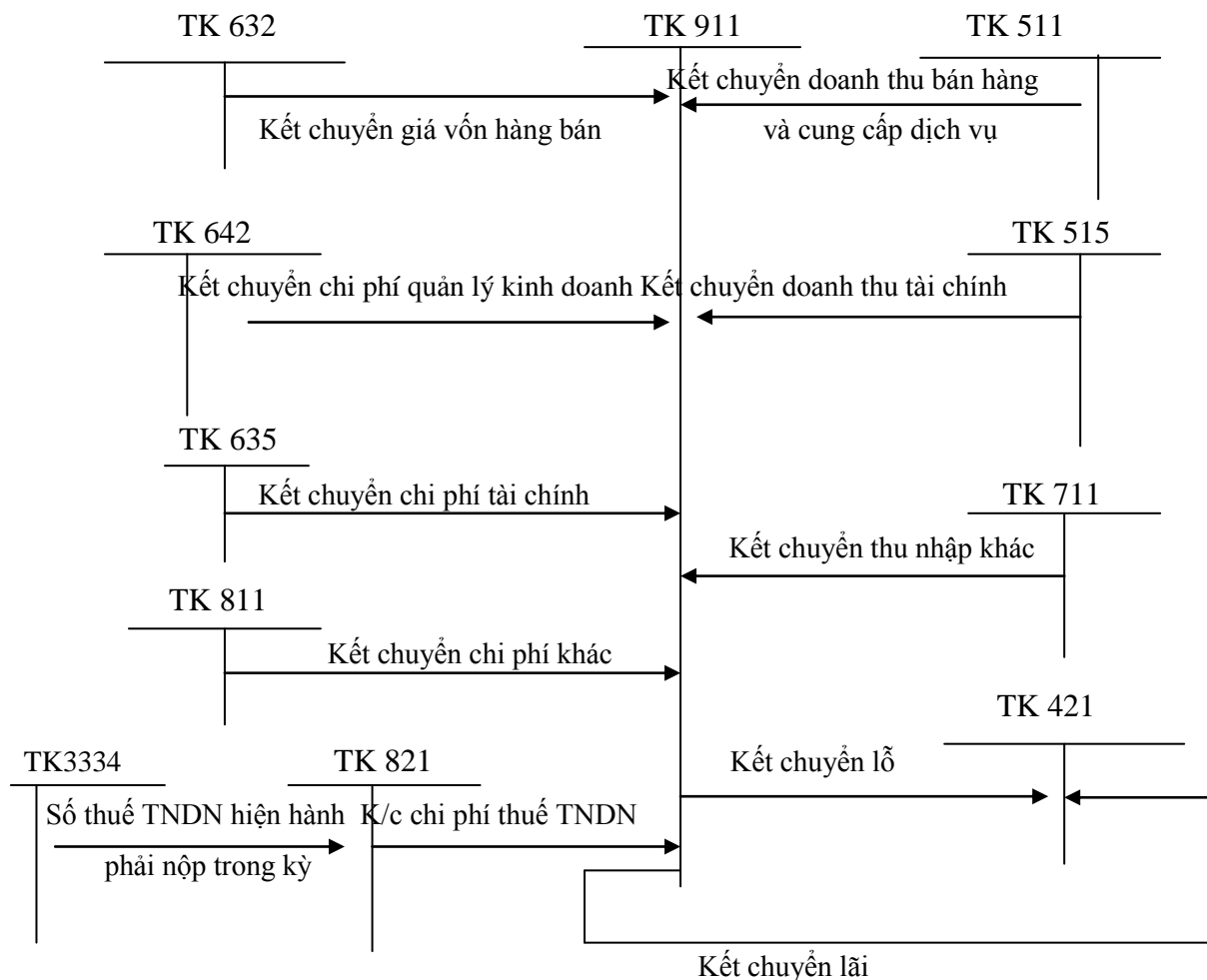
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- ✓ Kết cấu Tài khoản:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số SP, HH, bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số PS Nợ	X	Tổng số PS Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

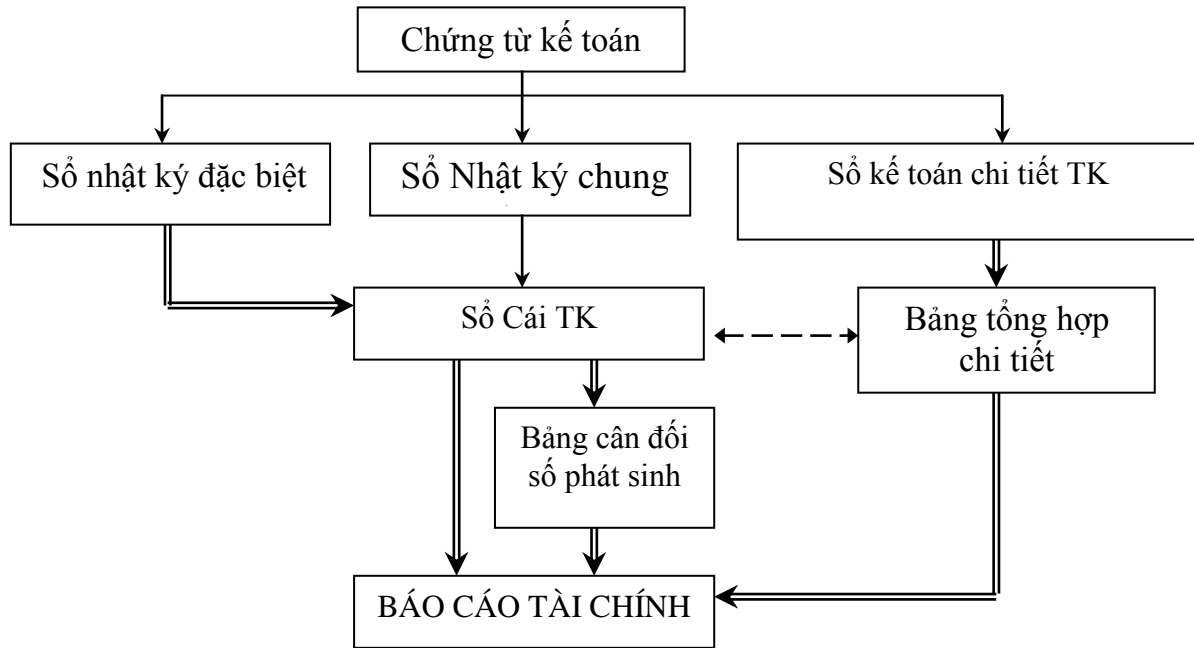
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

➤ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



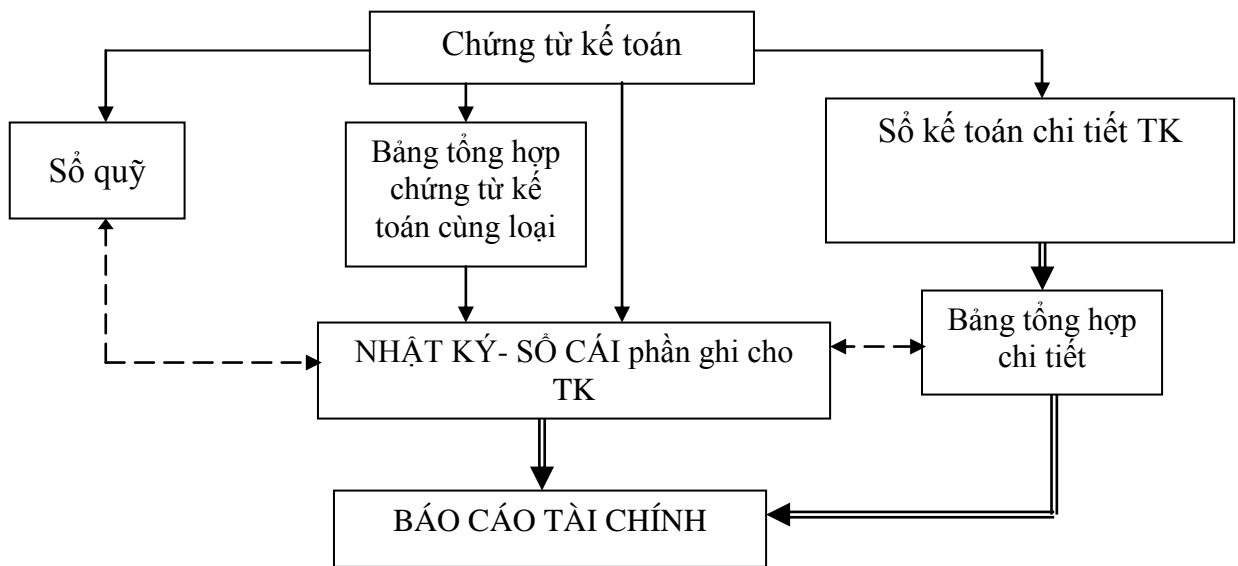
- Ghi chú :**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký, sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

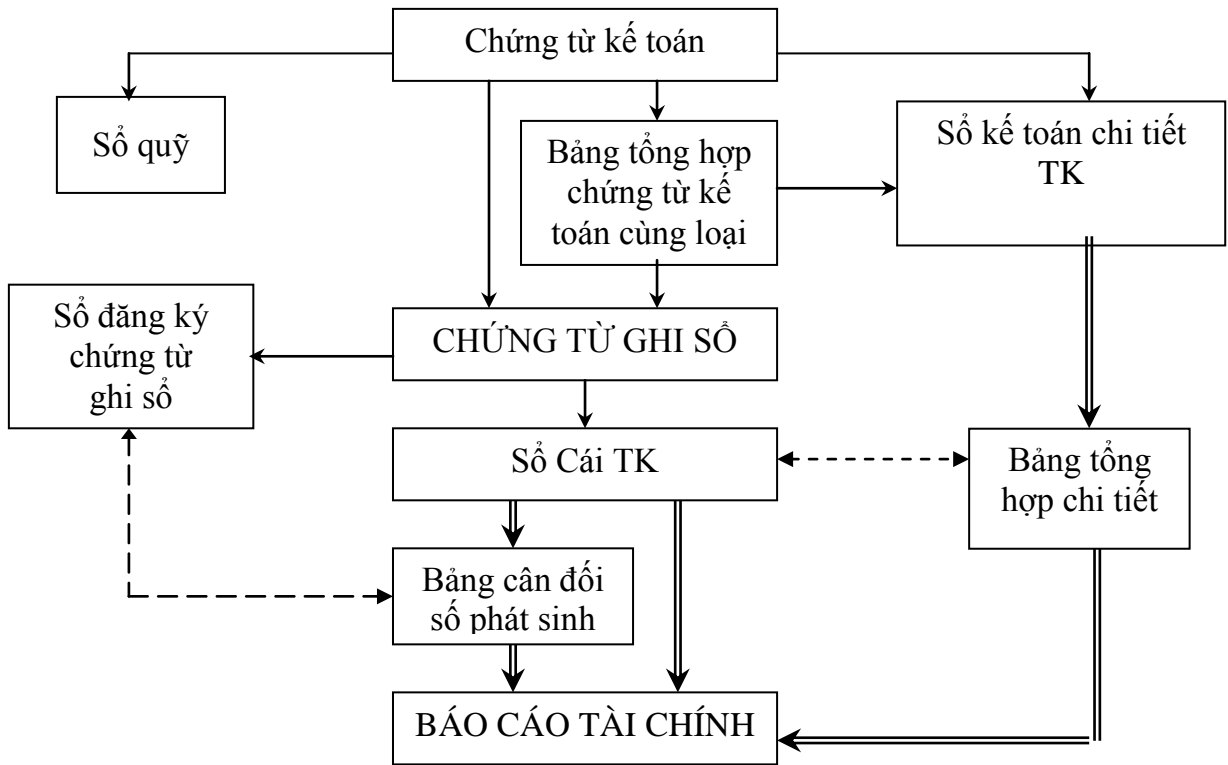


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



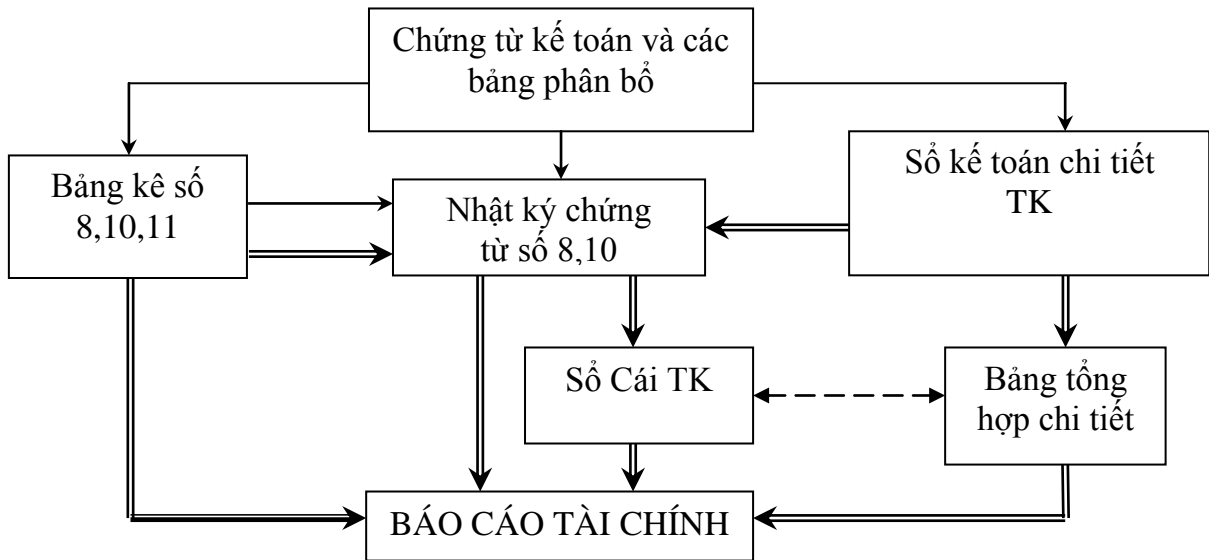
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

❖ Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - + Nhật ký chứng từ
 - + Bảng kê
 - + Sổ cái
 - + Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ



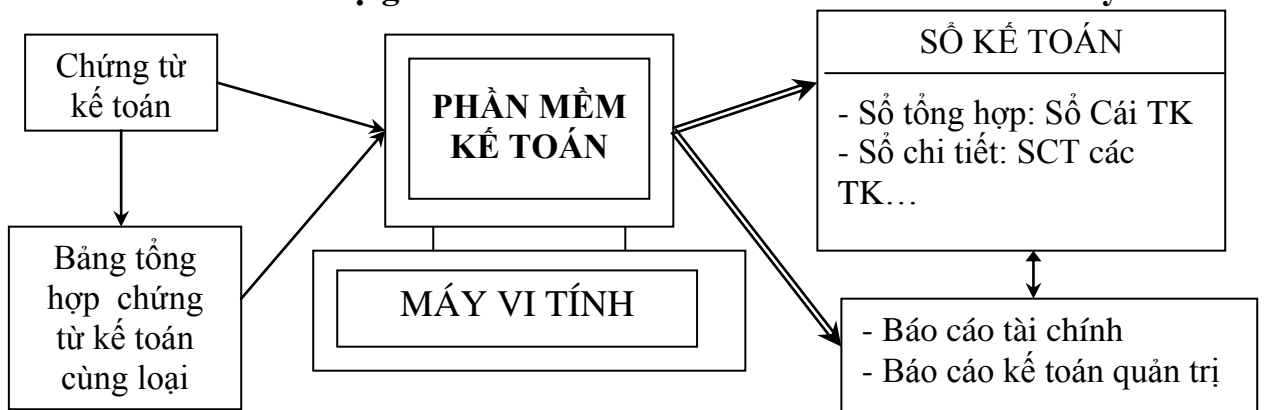
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

❖ Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI**

2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài**

Địa chỉ: Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320.3724396

Mã số thuế: 0800846017

Vốn điều lệ: 1.900.000.000

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán và sản xuất vật liệu xây dựng sắt, thép, nhôm, kính; vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; mua bán thiết bị điện tử, điện lạnh; mua bán phân bón: đạm, lân, kali; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống, giải khát; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.

Giấy phép kinh doanh số 0800846017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2010.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài

Hiện nay ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là tôn màu, tôn lạnh, thép ống, inox ... hình thức kinh doanh là kinh doanh thương mại: Công ty nhập hàng về từ cơ sở sản xuất gốc rồi xuất bán lại cho các đơn vị cần dùng như đơn vị thi công công trình, người dân.... Dưới hình thức bán buôn và bán lẻ. Trong những năm gần đây, ngành xây dựng cũng khá phát triển, nhu cầu về nhà ở tăng,

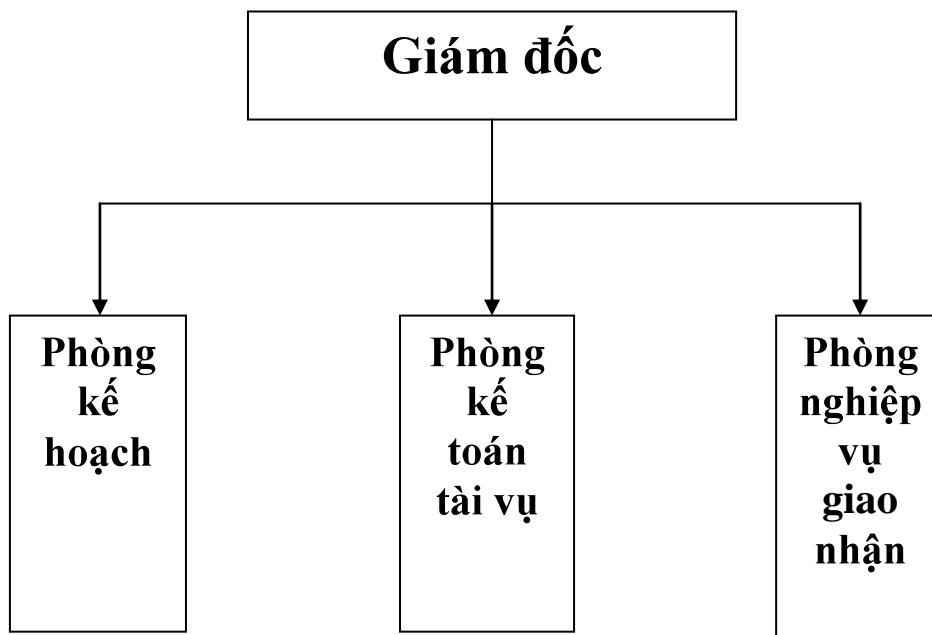
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhu cầu về việc xây dựng các phân xưởng...vì vậy hoạt động kinh doanh của công ty cũng khá phát triển. Ngoài ra, hiện nay ở khu vực nông thôn đang sử dụng chủ yếu tôn lạnh để lợp mái sân, phân xưởng, sử dụng cột chống bằng sắt, thép ống thay thế cột bê tông đã tạo điều kiện tốt cho doanh nghiệp phát triển. Chính vì vậy, mặc dù năm 2011 nền kinh tế thế giới bị khủng hoảng nhưng doanh nghiệp vẫn hoạt động khá tốt và vẫn tạo ra lợi nhuận.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH thương mại Trương Nhài



Sơ đồ 01: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

❖ **Giám đốc:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: công tác quy hoạch, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tổ chức cán bộ.....
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

❖ **Phòng Kế toán Tài vụ:**

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của Công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của Công ty.

❖ **Phòng kế hoạch**

- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty.
- Thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu
- Chịu trách nhiệm tiếp khách và tổ chức Hội nghị trong Công ty.
- Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chế độ quy định về tiền lương, thưởng cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tìm hiểu, phân tích các thông tin về thị trường đầu ra, đầu vào báo cáo giám đốc để giám đốc có phương hướng, quyết định điều chỉnh những yếu tố có liên quan đến sản phẩm của Công ty.

- Chịu trách nhiệm trong việc quảng cáo, tiếp thị sản phẩm. Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Ban giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm.

❖ Phòng nghiệp vụ giao nhận:

- Có nhiệm vụ làm các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thuê phương tiện vận tải để vận chuyển theo đúng kế hoạch và thời gian.

- Cung ứng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo cả về số lượng, chất lượng cũng như giá cả.

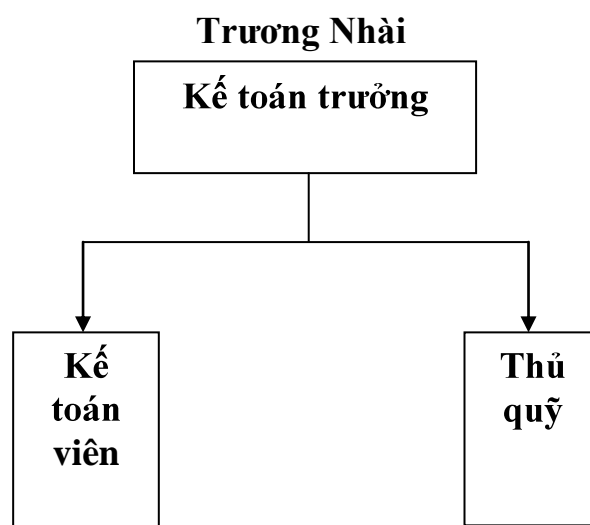
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng kế toán Tài vụ

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại



Sơ đồ 02: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Chức năng, nhiệm vụ

Nhiệm vụ chung của phòng kế toán tài vụ là :

- Thu thập , xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, phòng kế toán tài vụ của Công ty có 3 người và được tổ chức như sau:

❖ Kế toán trưởng:

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.

- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.

- Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.

- Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.....

❖ Kế toán viên:

Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong Công ty, cụ thể:

- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt .

- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.

- Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.

- Lập bảng thanh toán tiền lương.

❖ Thủ quỹ:

- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.

- Quản lý, bảo quản tiền mặt.

- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài.

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng:

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên*.

- Nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*.

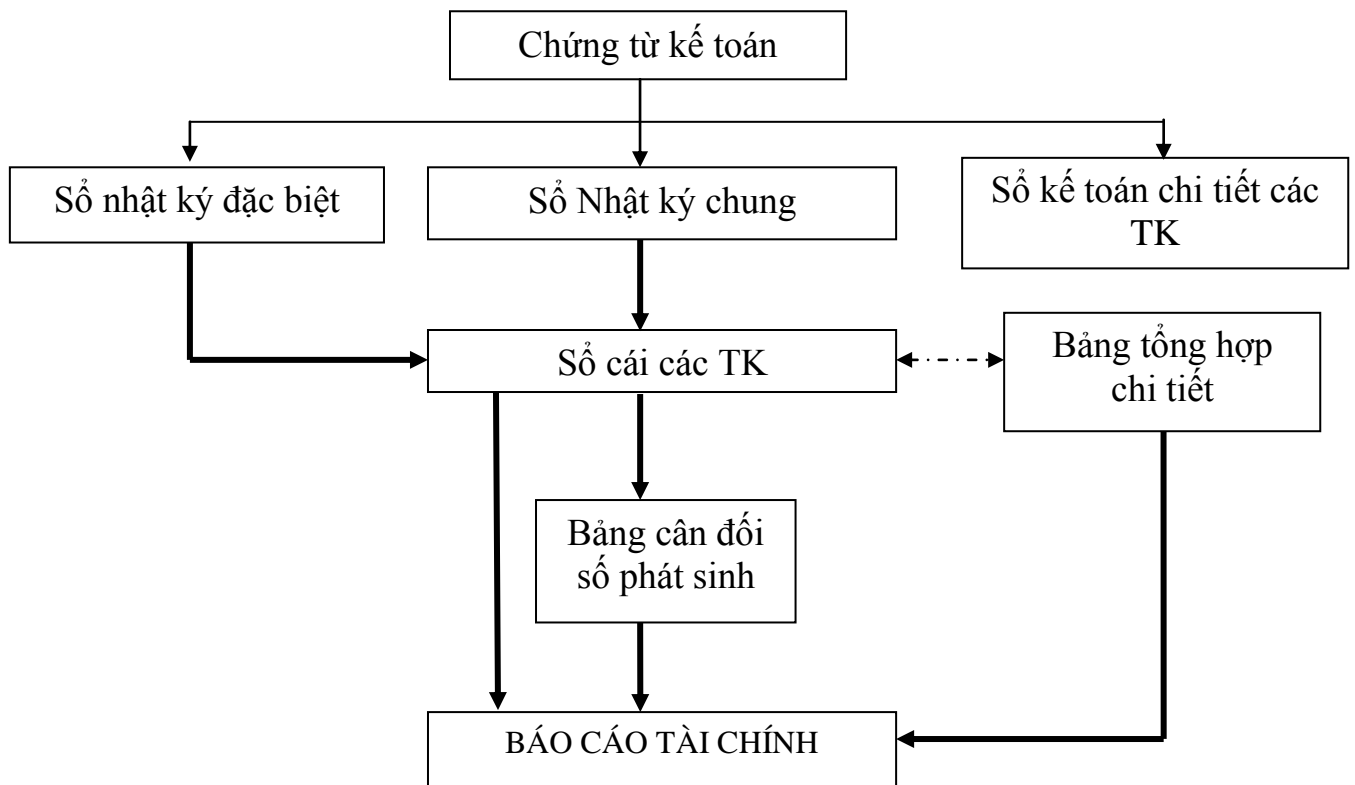
- Tính giá trị hàng xuất kho theo *phương pháp nhập trước - xuất trước*

- Về tài sản cố định, Công ty trích khấu hao TSCĐ theo *phương pháp đường thẳng*.

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán ***Nhật ký chung***.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 03: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←----

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có...
- Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

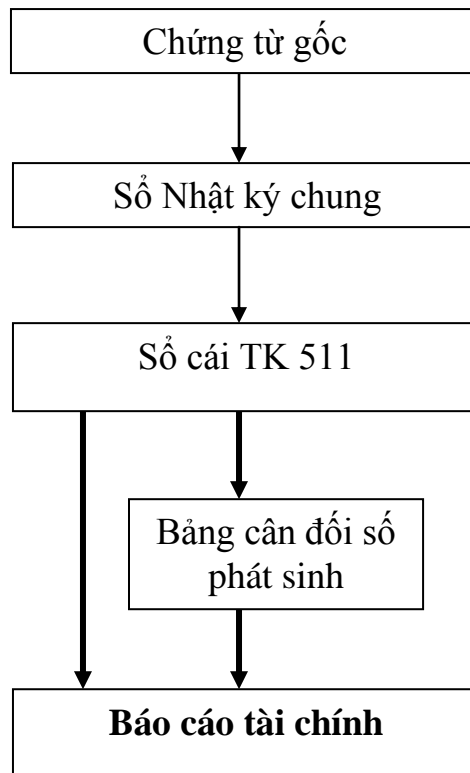
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **Phương thức bán hàng:** Phương thức bán hàng trực tiếp.

❖ **Hình thức thanh toán :**

- Tiền mặt.
- Chuyển khoản.

❖ **Trình tự hạch toán doanh thu:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng dựa vào sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối năm tài chính, dựa trên số liệu các sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 07 tháng 12 năm 2013, xuất kho hàng hóa (chi tiết theo hóa đơn) bán cho công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất, tổng giá thanh toán : 78.771.000 đồng (thuế GTGT 10 %). Khách hàng chưa thanh toán.

❖ **Ví dụ minh họa:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 09 tháng 12 năm 2013, xuất kho hàng hóa (chi tiết theo hóa đơn) bán cho công ty TNHH Trúc Mai, tổng giá thanh toán: 19.008.000 (thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 01: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000290

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/13P		
			Số : 0000290		
<i>Liên 3 : Nội bộ</i>					
<i>Ngày 07 tháng 12 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRƯỜNG NHÀI					
Mã số thuế: 0800846017.....					
Địa chỉ: Thị tứ, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.....					
Điện thoại: Fax:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất.....					
Mã số thuế:0900646392.....					
Địa chỉ: Số 129 Nguyễn Đăng Lành, khu Nguyễn Văn Trỗi, Nam Sách, HD.....					
Hình thức thanh toán:.....CK.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,3mm	m2	300	51.200	15.360.000
2	Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,4mm	m2	900	62.500	56.250.000
Cộng tiền hàng					71.610.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		7.161.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					78.771.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng./.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 02: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000295

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số : 0000295

Liên 3 : Nội bộ

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI**

Mã số thuế: 0800846017.....

Địa chỉ: Thị tứ, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.....

Điện thoại: Fax:.....

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Trúc Mai.....

Mã số thuế: 0200632870.....

Địa chỉ: Thôn Nam Hòa, xã An Hưng, huyện An Dương, Hải Phòng.....

Hình thức thanh toán:..... TM/CK..... Số tài khoản:.....

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Ống thép tròn mạ kẽm ø 27/1,2mm	Kg	469,2	31.500	14.779.800
2	Ống thép tròn mạ kẽm ø 21/1.2mm	Kg	83,34	30.000	2.500.200
Cộng tiền hàng					17.280.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		1.728.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					19.008.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng./.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 03: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Mẫu số S03a-DNN

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
07/12/13	HĐ00002 90, PX10/12	07/12/13	Xuất kho bán tôn mạ màu, khách hàng chưa thanh toán	632	59.712.900	
				1561		59.712.900
				131	78.771.000	
				511		71.610.000
				3331		7.161.000
					
09/12/13	HĐ00002 95, PX15/12	09/12/13	Xuất kho bán ống thép tròn mạ kẽm, chưa thanh toán	632	15.600.000	
				1561		15.600.000
				131	19.008.000	
				511		17.280.000
				3331		1.728.000
09/12/13	HĐ00016 37	09/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước dịch vụ viễn thông	6422	527.273	
				1331	52.727	
				1111		580.000
					
			Tổng cộng		118.446.448.597	118.446.448.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 04: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đông Gia, xã Đông Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
07/12/13	HD0000290	07/12/13	Xuất kho bán hàng hóa chưa thu tiền			131		71.610.000
							
09/12/13	HD0000295	09/12/13	Xuất kho bán hàng hóa chưa thu tiền			131		17.280.000
							
31/12/13	PKT 83	31/12/13	Kết chuyển DTBH			911	17.233.095.646	
			Cộng phát sinh				17.233.095.646	17.233.095.646
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 05: Sổ cái TK 131

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		TS	TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				265.152.045	
			Số phát sinh trong kỳ					
							
07/12/13	HD0000	07/12/13	Bán hàng hóa cho công ty TNHH MTV TM và DV Anh Nhất chưa thu tiền			511	71.610.000	
	290,PX1 0/12					3331	7.161.000	
							
09/12/13	HD0000	09/12/13	Bán hàng cho công ty TNHH Long Giang chưa thu tiền			511	16.501.600	
	294,PX1 4/12					3331	1.650.160	
							
			Cộng số phát sinh				17.121.532.270	16.992.189.640
			Số dư cuối kỳ				394.494.675	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 06: Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tài khoản: Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				15.582.138	
			Số phát sinh trong kỳ					
							
07/12/13	HĐ00002 90	07/12/13	Bán hàng chưa thu được tiền	511	71.610.000		87.192.138	
				3331	7.161.000		94.353.138	
							
11/12/13	UNC115	11/12/13	Công ty TNHH MTV DV & TM Anh Nhất thanh toán tiền hàng	1121		78.771.000	15.582.138	
							
			Công số phát sinh		1.253.639.412	1.246.215.308		
			Số dư cuối kỳ				23.006.242	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 07: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đông Gia, xã Đông Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tài khoản: 131

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất	15.582.138		1.253.639.412	1.246.215.308	23.006.242	
2	Công ty TNHH Trúc Mai	29.375.206		997.162.363	905.386.941	121.150.628	
	
	Cộng	265.152.045		17.121.532.270	16.992.189.640	394.494.675	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT)
- Vận đơn

➤ **Tài khoản sử dụng:**

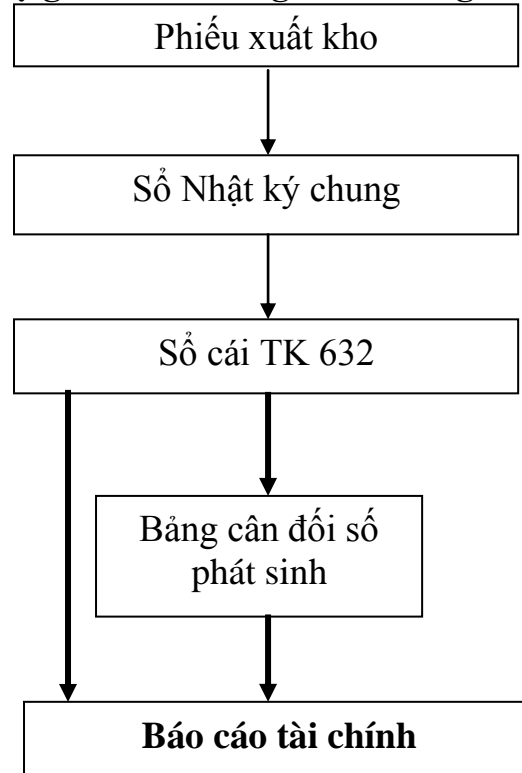
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911: xác định kết quả kinh doanh

Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết
- Sổ cái TK632

Sơ đồ 11: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←---→

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng gia- Kim Thành- Hải Dương

Mẫu số : 02- VT
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 07 tháng 12 năm 2013

Nợ:632
Có:1561

Họ tên người nhận hàng: Trương Văn Ngọc Số: 10/12

Địa chỉ (Bộ phận):.....

Lý do xuất kho: Xuất kho tôn mạ màu bán cho công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhật.....

Xuất tại kho (ngân lô): Hàng hóa **Địa điểm:**.....

STT	Tên, nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,3mm		m2		300	48.500	14.550.000
2	Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,4mm		m2		900	50.181	45.162.900
	CỘNG						59.712.900

Người lập phiếu (Ký, ghi rõ họ tên)	Người nhận hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ kho (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Giám đốc (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
---	---	--	---	---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng gia- Kim Thành- Hải Dương

Mẫu số : 02- VT

(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Nợ:632

Có:1561

Họ tên người nhận hàng: **Đỗ Mạnh Thắng**

Số: 15/12

Địa chỉ (Bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất kho ống thép mạ kẽm bán cho công ty TNHH Trúc Mai

Xuất tại kho (ngân lô): Hàng hóa Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ống thép tròn mạ kẽm ϕ 27, 1.2mm		Kg		469,2	28.363	13.308.150
2	Ống thép mạ kẽm ϕ 21, 1.2mm		Kg		83,34	27.500	2.291.850
	CỘNG						15.600.000

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ kho căn cứ trên phiếu xuất kho tiến hành xuất kho hàng hóa giao cho khách hàng. Khi hàng hóa được giao cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán hàng hóa lập hóa đơn GTGT chuyển tới cho khách hàng cùng với biên bản giao nhận hàng hóa.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 08: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đông Gia, xã Đông Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
07/12/13	PX10/12	07/12/13	Bán hàng hóa chưa thu tiền			1561	59.712.900	
							
09/12/13	PX15/12	09/12/13	Xuất kho hàng hóa bán chưa thu tiền			1561	15.600.000	
							
31/12/13	PKT 84	31/12/13	Kết chuyển GVHB			911		16.427.721.206
			Cộng phát sinh				16.427.721.206	16.427.721.206
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- Các chứng từ khác có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

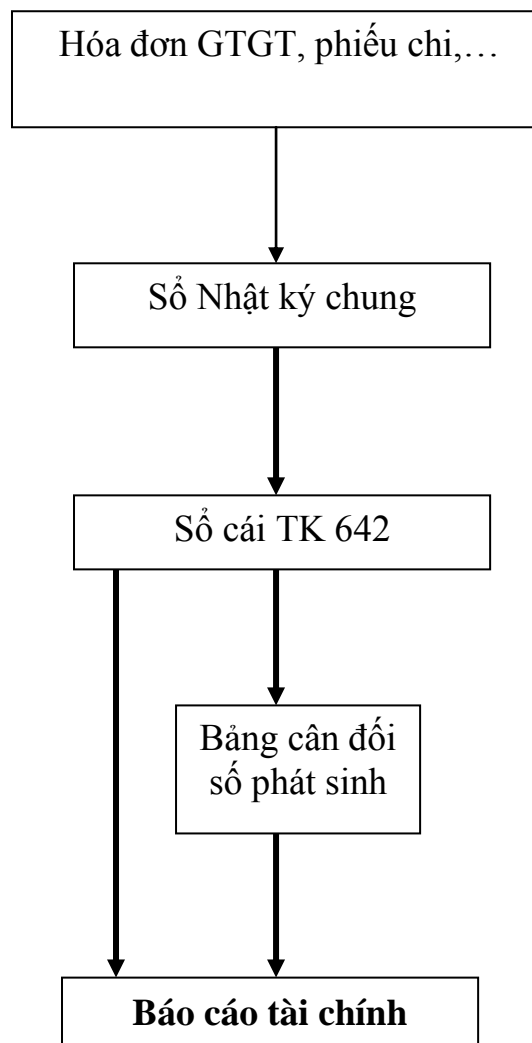
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- + 6421: Chi phí bán hàng
- + 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ nhật kí chung
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh
- Sổ cái TK 642, TK 111

Sơ đồ : Quy trình hạch toán kế toán chi phí



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←---→

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 09/12/2013, công ty TNHH thương mại Trương Nhài chi tiền mặt thanh toán tiền dịch vụ viễn thông, tổng giá thanh toán là 580.000 đồng(thuế GTGT 10%).

Biểu số 09: Hóa đơn Giá trị Gia tăng số 1966675

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) <i>Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</i>	Mẫu số 01GTKT3/001 VT01 Ký hiệu: (Serial No) : AA/13P Số (No) :1966675				
Mã số thuế: 0800041311 Viễn thông Hải Dương Địa chỉ (Address): Thị trấn Phú Thái – Kim Thành- Hải Dương Tên khách hàng: Công ty TNHH thương mại Trương Nhài Địa chỉ (Address) : Thị tứ- Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương Số điện thoại (Tel) : 03203.724396 Hình thức thanh toán : TM/CK MST:0800846017					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Kỳ cước tháng 11/2013				
	Cước dịch vụ viễn thông				527.273
	Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	Khuyến mại				0
	Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b-c-d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1)					527.273
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%*(a) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					52.727
(1+2-e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2)					580.000
Số tiền viết bằng chữ (in words): <i>Năm trăm tám mươi nghìn đồng.</i>					
Người nộp tiền ký (<i>Signature of payer</i>)			<i>Ngày 09 tháng 12 năm 2013</i> Nhân viên giao dịch ký (<i>Signature of dealling staff</i>)		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành,
HD

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Quyển số:

Số: 22/12

Nợ: 6422,1331

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Đồng Thị Nga.....

Địa chỉ: Văn phòng công ty.....

Lý do chi: Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông

Số tiền: 580.000.....(viết bằng chữ):

.....*Năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*/.....

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

(Ký, đóng
dấu, ghi rõ
họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, ghi rõ họ
tên)

Thủ quỹ

(Ký, ghi rõ
họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Người
nhận tiền**

(Ký, ghi rõ
họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

...../

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 10/12/2013, công ty TNHH thương mại Trương Nhài chi tiền mặt 800.000 đồng thanh toán tiền cước thuê xe vận chuyển hàng bán cho cơ sở tư nhân.

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, HD

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Quyển số:

Số: 23/12

Nợ: 6421

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Minh Hiền.....

Địa chỉ: Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, Kim Thành, Hải Dương.....

Lý do chi: Thanh toán tiền cước vận chuyển

Số tiền: 800.000.....(viết bằng chữ):

.....*Tám trăm nghìn đồng chẵn.*/.....

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, đóng
dấu, ghi rõ họ
tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ
tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

...../

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
09/12/13	HD1966 675	09/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước viễn thông	6422	527.273	
				1331	52.727	
				1111		580.000
			
10/12/13	PC23/12	10/12/13	Chi tiền mặt thanh toán tiền cước xe	6421	800.000	
				1111		800.000
			
31/12/13	BTTL	31/12/13	Tính lương phải trả tháng 12 cho NVVP	6422	18.620.000	
				334		18.620.000
					
			Tổng cộng		118.446.448.597	118.446.448.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì

Thị tứ Đông Gia, xã Đông Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐÚ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
09/12/13	HD1966 675	09/12/13	Thanh toán cước viễn thông bằng tiền mặt			1111	527.273	
							
10/12/13	PC23/12	10/12/13	Chi tiền mặt thanh toán tiền cước xe			1111	800.000	
							
31/12/13	BTTL	31/12/13	Tính lương phải trả tháng 12 cho NVVP			334	18.620.000	
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển chi phí QLKD			911		443.187.500
			Cộng phát sinh				443.187.500	443.187.500
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

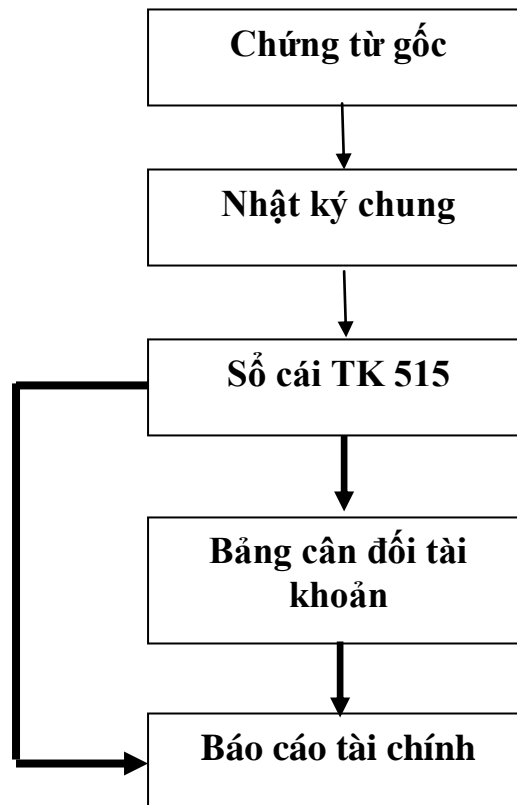
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \longrightarrow

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2013 Công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng Agribank về lãi tiền gửi tháng 12/2013 được hưởng là 693.042 đồng.

Biểu số: Giấy báo Có của Ngân hàng về lãi tiền gửi được nhận:

NGÂN HÀNG NN & PTNT	GIẤY BÁO CÓ	Số: 0000612 Ngày: 31/12/2013	
SỐ TÀI KHOẢN: 2304201003285			
TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI			
<u>Kính gửi:</u> Công ty TNHH thương mại Trương Nhài Thị tứ- Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung sau	
Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
31/12/2013	693.042	VND	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12
Giao dịch viên <i>(Ký, họ tên)</i>		Kiểm soát <i>(Ký họ, tên)</i>	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
09/12/13	HD1966675	09/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước viễn thông	6422	527.273	
				1331	52.727	
				1111		580.000
			
10/12/13	PC23/12	10/12/13	Chi tiền mặt thanh toán tiền cước xe	6421	800.000	
				1111		800.000
			
31/12/13	BTTL	31/12/13	Tính lương phải trả tháng 12 cho NVVP	6422	18.620.000	
				334		18.620.000
31/12/13	GBC612	31/12/13	Lãi tiền gửi Ngân hàng Agribank	1121	693.042	
				515		693.042
					
			Tổng cộng		118.446.448.597	118.446.448.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
31/12/13	GBC612	31/12/13	Lãi tiền gửi Ngân hàng Agribank			1121		693.042
31/12/13	GBC615	31/12/13	Lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP ngoại thương			1121		600.218
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển DTHĐTC			911	11.639.340	
			Cộng phát sinh				11.639.340	11.639.340
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

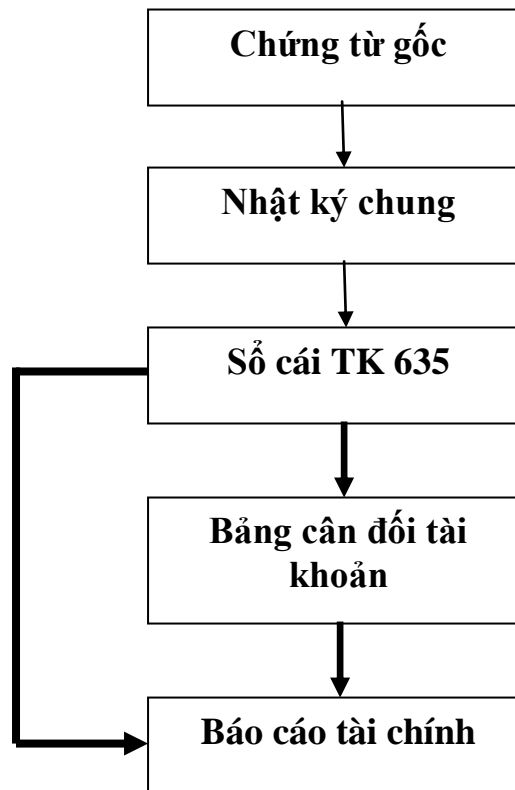
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi định kỳ

Ví dụ minh họa: Ngày 18/12/2013 trích trước tiền lãi vay Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hải Dương tháng 12 năm 2013.

Kế toán định khoản:

Nợ 635 : 4 252 240
 Có 335 : 4 252 240

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
09/12/13	HĐ1966 675	09/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước viễn thông	6422	527.273	
				1331	52.727	
				1111		580.000
			
14/12/13	HĐ0015 210	14/12/13	Chi tiền mặt thanh toán tiền điện	6422	1.709.060	
				1331	170.906	
				1111		1.879.966
			
18/12/13	PKT79	18/12/13	Trích trước tiền lãi vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hải Dương tháng 12	635	4.225.240	
				335		4.225.240
			
31/12/13	BTTL	31/12/13	Tính lương phải trả tháng 12 cho NVVP	6422	18.620.000	
				334		18.620.000
31/12/13	GBC612	31/12/13	Lãi tiền gửi Ngân hàng Agribank	1121	693.042	
				515		693.042
					
			Tổng cộng		118.446.448.597	118.446.448.597

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng		TS	TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
18/12/13	PKT79	18/12/13	Trích trước tiền lãi vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hải Dương tháng 12			335	4.225.240	
							
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CPHĐTC			911		54.928.120
			Cộng phát sinh				54.928.120	54.928.120
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.6. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tại công ty, xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác sau một thời kỳ nhất định (một năm) biểu hiện bằng lãi hay lỗ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ, kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu thuần
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - 711: Thu nhập khác
 - 632: Giá vốn hàng bán
 - 635: Chi phí hoạt động tài chính
 - 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - 811: Chi phí khác
 - 821: Chi phí thuế TNDN
 - 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - 421: Lợi nhuận chưa phân phối

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Số:83

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	17.233.095.646
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	11.639.340
	Cộng			17.244.734.986

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Số:84

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	16.427.721.206
2	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	54.928.120
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	443.187.500
4	Kết chuyển chi phí khác	911	811	2.023.000
	Cộng			16.927.859.826

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài		Số:85		
<i>Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương</i>				
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	79.218.790
2	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	79.218.790
	Cộng			
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài		Số:86		
<i>Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- Hải Dương</i>				
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	237.656.370
	Cộng			237.656.370
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển DTBH và cung cấp dịch vụ	511	17.233.095.646	
				911		17.233.095.646
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển DTHĐTC	515	11.639.340	
				911		11.639.340
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển GVHB	911	16.427.721.206	
				632		16.427.721.206
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CPQLDN	911	443.187.500	
				642		443.187.500
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CPHĐTC	911	54.928.120	
				635		54.928.120
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CP khác	911	2.203.000	
				811		2.203.000
31/12/13	PKT85	31/12/13	Xác định chi phí thuế TNDN	821	79.218.790	
				3334		79.218.790
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	79.218.790	
				821		79.218.790
31/12/13	PKT86	31/12/13	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	237.656.370	
				421		237.656.370
			Tổng cộng		118.446.448.597	118.446.448.597

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		17.233.095.646
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển DTHĐTC			515		11.639.340
31/12/13	PKT84		Kết chuyển GVHB			632	16.427.721.206	
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CPHĐTC			635	54.928.120	
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CPQLDN			642	443.187.500	
31/12/13	PKT84	31/12/13	Kết chuyển CP khác			811	2.023.000	
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển CP thuế TNDN			821	79.218.790	
31/12/13	PKT86	31/12/13	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421	237.656.370	
			Cộng phát sinh				17.244.734.986	17.244.734.986
			Số dư cuối kỳ					

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhà

Thị tứ Đông Gia, xã Đông Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		TS	TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/13	PKT85	31/12/13	Xác định chi phí thuế TNDN			3334	79.218.790	
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		79.218.790
			Cộng phát sinh				79.218.790	79.218.790
			Số dư cuối kỳ					

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		TS	T T D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					216.452.484
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/13	PKT 86	31/12/13	Kết chuyển lãi			911		237.656.370
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					454.108.854

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TRƯƠNG NHÀI**

3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh:

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy nên công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

❖ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

Về việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

Việc cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài vẫn còn có những hạn chế nhất định:

✓ **Chưa lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng**

Công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho tài khoản 632 và sổ chi tiết doanh thu bán hàng cho tài khoản 511 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết giá vốn, doanh thu của từng mặt hàng trong tài khoản 632 và tài khoản 511.

✓ **Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty.

✓ **Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.**

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài.

3.3.1. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho tài khoản 632 và tài khoản 511.

Lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định rõ chi tiết giá vốn, doanh thu của từng mặt hàng để thấy được mặt hàng nào tiêu thụ nhiều và hiệu quả kinh tế cao, từ đó giúp công ty có những phương án kinh doanh hiệu quả nhất.

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn và phiếu xuất kho, kế toán hạch toán giá vốn vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi nhận vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Em xin đưa mẫu sổ chi tiết DT bán hàng và cung cấp dịch vụ, GVHB (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài
Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

TK 511

Tên sản phẩm: Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,3mm

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			
					
07/12/13	HĐ00 00290	07/12/13	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất	131	1.5360.000	
					
			Kết chuyển	911		2.356.245.500
			Cộng		2.356.245.500	2.356.245.500
			SDCK			

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

TK 511

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	SDDK		
1	Tôn mạ màu 11 sóng, dày 0,3mm	2.356.245.500	
2	Ống thép tròn mạ kẽm ø 27/1,2mm	3.532.160.000	
3	
	Kết chuyển DTBH		17.233.095.646
	Cộng	17.233.095.646	17.233.095.646
	SDCK		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhàì

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN TK 632

Tên sản phẩm: Tôn mạ màu 11 sóng dày 0,3mm

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SDDK			
				
PX10/12	07/12/13	Xuất bán cho công ty TNHH MTV TM & DV Anh Nhất	1561	14.550.000	
				
		Kết chuyển	911		2.111.550.000
		Cộng phát sinh		2.111.550.000	2.111.550.000
		SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài

Thị tứ Đồng Gia- Xã Đồng Gia- Kim Thành- HD

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK 632

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	SDDK		
1	Tôn mạ màu 11 sóng, dày 0,3mm	2.111.550.000	
2	Ống thép tròn mạ kẽm ø 27/1,2mm	3.201.369.152	
3	
	Kết chuyển GVHB		16.427.721.206
	Cộng	16.427.721.206	16.427.721.206
	SDCK		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

CKTT: là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

✓ **Để xác định mức chiết khấu thanh toán có thể dựa trên các yếu tố:**

- Tỷ lệ lãi suất ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức CKTT của doanh nghiệp cùng loại...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hiện nay, với đặc điểm sản xuất kinh doanh thì công ty có thể lựa chọn 2 yếu tố là thời gian thanh toán tiền hàng và lãi suất của ngân hàng để làm căn cứ để xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức CKTT và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự đồng thời là đối tác của công ty, em xin đưa ra mức chiết khấu thanh toán công ty có thể áp dụng như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán trước nửa tháng so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng CKTT là 0,5% trên tổng giá đã thanh toán.

- Nếu khách hàng thanh toán trước một tháng so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng CKTT là 1,5% trên tổng giá đã thanh toán.

Mặt khác, khi lãi suất ngân hàng thay đổi công ty sẽ điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp.

✓ Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

Ví dụ:

Ngày 02/12/2013 Công ty TNHH Trúc Mai chuyển khoản thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000285, trong hợp đồng mua bán hàng hóa ghi ngày thanh toán là 18/12/2013. Vì vậy công ty TNHH Trúc Mai được hưởng một khoản chiết khấu thanh toán là 0,5% trên tổng giá trị lô hàng (thanh toán trước nửa tháng so với thời gian ghi trong hợp đồng). Tổng giá trị lô hàng theo HĐ 0000285 là 208.162.000 đồng.

Định khoản:

1, Nợ 112 : 207.121.190

Có 131 : 207.121.190

2, Nợ 635 : 1.040.810

Có 131 : 1.040.810

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911.

3.3.3. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ.

Hiện nay, để hỗ trợ các Doanh nghiệp hạch toán kế toán một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn, các nhà cung cấp phần mềm đã xây dựng nên nhiều phần mềm kế toán đa dạng, với nhiều mức giá cả hợp lý để phù hợp với từng doanh nghiệp.

Một số loại phần mềm phổ biến và thông dụng nhất hiện nay đó là: FAST, MISA, VACOM...

So sánh ưu, nhược điểm của ba phần mềm kể trên:

❖ Phần mềm kế toán FAST



- Ưu điểm:
 - Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
 - Tốc độ xử lý rất nhanh. Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.
 - Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị. Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác. Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nhược điểm: Trong thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể). Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

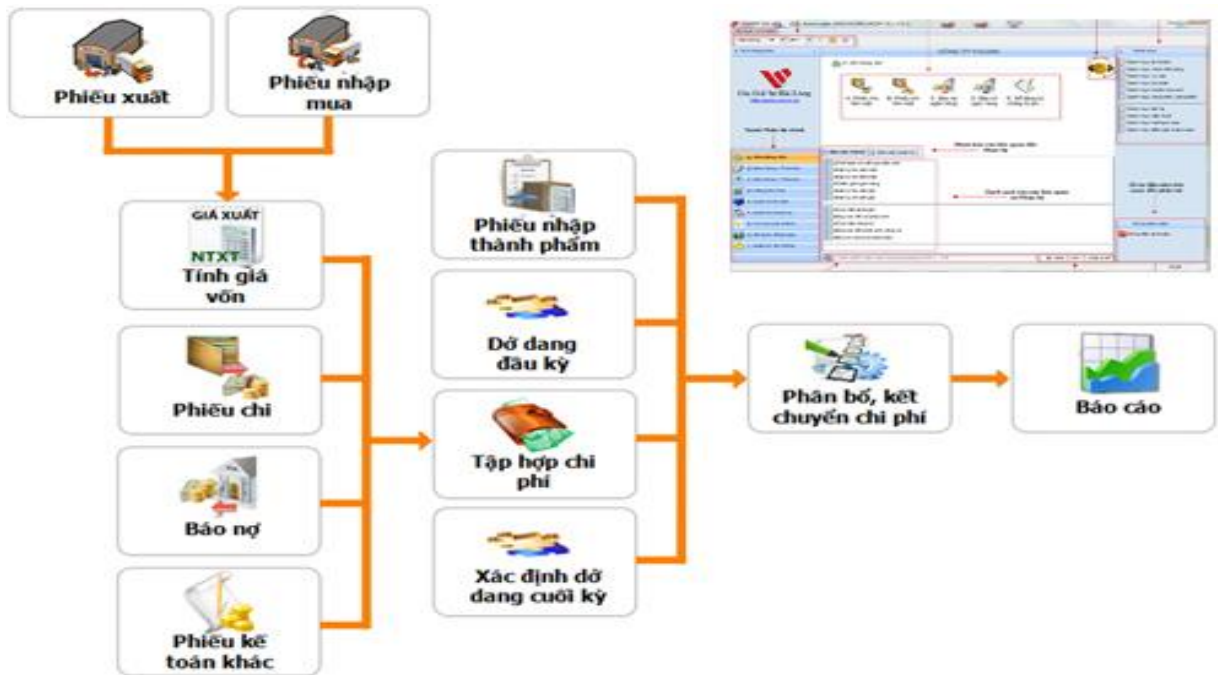
❖ Phần mềm kế toán MISA



- Ưu điểm:
 - Các dòng sản phẩm của MISA đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không cần báo cáo kiểu quản trị nhiều. Phần mềm Misa đơn giản, dễ học, dễ sử dụng, hình ảnh giao diện thân thiện.
 - Nhược điểm: Nhược điểm khá lớn là Misa được phát triển với mục đích sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ mang tính đơn giản, dễ hiểu, nhỏ gọn cho nên một số yêu cầu nhỏ đặc thù của doanh nghiệp sẽ không đáp ứng được. Mặt khác, Misa là phần mềm kế toán đóng gói nên sẽ không tùy chỉnh theo người dùng, riêng phần mềm Fast có thể làm được điều này.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phần mềm kế toán VACOM



▪ Ưu điểm:

- Giao diện trực quan dễ sử dụng, hệ thống báo cáo đa dạng, làm tới đâu xem báo cáo tới đó, chỉnh sửa trực tiếp trên bất kỳ báo cáo nào nhờ hệ thống truy xuất ngược, tùy chọn báo cáo theo báo cáo quản trị và báo cáo tài chính.
- Chỉ cần biết nghiệp vụ là làm được phần mềm kế toán Vacom, nhờ các phím hướng dẫn trực quan, 100% báo cáo được kết xuất ra Excel, pdf nguyên mẫu.
- Hỗ trợ mọi lúc, mọi nơi cho người sử dụng, có số Hotline riêng phục vụ ngoài giờ hành chính.

▪ Nhược điểm: Vẫn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, và khi customize theo đặc thù.

Công ty nên tiến hành trang bị các dàn máy vi tính hiện đại đồng thời mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy FAST. Tổ chức thông tin kế toán trong FAST là rất rõ ràng, cụ thể kế toán chỉ cần lựa chọn thông tin rồi nhập vào phần mềm trên máy vi tính, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các số

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sách, báo cáo kế toán. Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại Công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong công tác kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại Trương Nhài cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn các các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty TNHH thương mại Trương Nhài đã giúp đỡ em trong thời gian qua. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Phạm Văn Tường cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản tài chính.
2. Luận văn tốt nghiệp khoá trước.
3. Website: Webketoan.com
Website: Tapchiketoan.com
4. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trương Nhài cung cấp.